

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2026/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp đối với
một số loại lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;*

*Xét Tờ trình số 3414/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy
định mức thu, chế độ thu, nộp đối với một số loại lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng
Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ
thu, nộp đối với một số loại lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp đối với lệ phí cấp giấy
phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, lệ phí đăng ký hộ
tịch, lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với người nộp lệ phí; tổ chức thu lệ phí và tổ
chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Mức thu lệ phí, tổ chức thu lệ phí

Mức thu, tổ chức thu một số loại lệ phí được quy định tại phụ lục kèm
theo Nghị quyết này.

Điều 3. Miễn lệ phí

Miễn lệ phí hộ tịch đối với các trường hợp sau:

1. Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;
người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

Handwritten signature

2. Đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ (bao gồm chấm dứt giám hộ, giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ); đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với nhau.

3. Đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới.

Điều 4. Khai, thu, nộp lệ phí

1. Người nộp lệ phí nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tổ chức thu lệ phí thực hiện khai, thu, nộp lệ phí theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2026.

2. Các quy định sau hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:

a) Điểm đ, e khoản 4 Điều 1; Mục II, III, IV, VI Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

b) Mục II, điểm a, c Mục V Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu nộp các khoản phí, lệ phí đối với dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

c) Điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

d) Mục II, III, V, VI Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định mức thu các loại phí, lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí và bãi bỏ Quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

arara

đ) Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình sửa đổi, bổ sung một số quy định về mức thu các loại phí, lệ phí, học phí, tỷ lệ phần trăm trích lại cho đơn vị thu phí tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Khoản 1 Mục III, IV, V Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về quy định mức thu phí, lệ phí trong cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026. /. *vh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH Quảng Trị;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu VT, P.CTHĐND (T).



Nguyễn Đăng Quang

aaaa

Phụ lục
MỨC THU, TỔ CHỨC THU MỘT SỐ LOẠI LỆ PHÍ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu		Tổ chức thu
			Trực tiếp (đồng)	Trực tuyến (đồng)	
I	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam				Sở Nội vụ
1	Cấp mới giấy phép lao động	đồng/giấy phép		480.000	
2	Gia hạn giấy phép lao động	đồng/giấy phép		400.000	
II	Lệ phí hộ tịch				UBND cấp xã
1	Đăng ký khai sinh (không đúng hạn)	đồng/trường hợp	5.000		
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (Bao gồm đăng ký đúng hạn, đăng ký không đúng hạn)	đồng/trường hợp	50.000		
3	Đăng ký lại khai sinh	đồng/trường hợp	5.000		
4	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	50.000		
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	đồng/trường hợp	10.000		
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	1.200.000		
7	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	đồng/trường hợp	5.000		
8	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	đồng/trường hợp	50.000		
9	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	1.200.000		

th

anand

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu		Tổ chức thu
			Trực tiếp (đồng)	Trực tuyến (đồng)	
10	Đăng ký lại kết hôn	đồng/trường hợp	20.000		
11	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	1.200.000		
12	Đăng ký khai tử (không đúng hạn)	đồng/trường hợp	5.000		
13	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (Bao gồm đăng ký đúng hạn, đăng ký không đúng hạn)	đồng/trường hợp	50.000		
14	Đăng ký lại khai tử	đồng/trường hợp	5.000		
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	50.000		
16	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	50.000		
17	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	50.000		
18	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	đồng/trường hợp	10.000		
19	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	25.000		
20	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng/trường hợp	50.000		
21	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng/trường hợp	50.000		
22	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có	đồng/trường hợp	50.000		

anh

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu		Tổ chức thu
			Trực tiếp (đồng)	Trực tuyến (đồng)	
	thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)				
23	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (không đúng hạn)	đồng/trường hợp	5.000		
24	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	đồng/trường hợp	10.000		
25	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (không đúng hạn)	đồng/trường hợp	5.000		
26	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng/trường hợp	10.000		
27	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác	đồng/trường hợp	5.000		
28	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác có yếu tố nước ngoài	đồng/trường hợp	50.000		
III	Lệ phí cấp phép xây dựng				Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và môi trường; Sở Công thương, Ban quản lý khu kinh tế; UBND cấp xã
1	Đối với Công trình				
1.1	Trường hợp cấp mới, điều chỉnh, sửa chữa, cải tạo, di dời	đồng/giấy phép	150.000	120.000	
1.2	Trường hợp cấp gia hạn	đồng/giấy phép	15.000	12.000	

th
anh

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu		Tổ chức thu
			Trực tiếp (đồng)	Trực tuyến (đồng)	
2	Đối với nhà ở riêng lẻ				
2.1	Trường hợp cấp mới, điều chỉnh, sửa chữa, cải tạo, di dời	đồng/giấy phép	75.000	60.000	
2.2	Trường hợp cấp gia hạn	đồng/giấy phép	15.000	12.000	

anars